

Bản án số: 160/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 11 - 2025
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Trần Công Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 145/20254/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Kim P, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: k8, phường HT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trường H, sinh năm 1961; địa chỉ cư trú: ấp TC, xã TP, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Kim P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông H chung sống với nhau năm 1985, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do hết duyên nợ nên bà và anh H đã chia tay được 26 năm. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 người con tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986, Nguyễn Tân D, sinh năm 1988 và Nguyễn Minh H1, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với ông Nguyễn Trường H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của chị Thủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Kim P khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Trường H là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà P có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà P, ông H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 1985, bà P với ông H chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, mối quan hệ hôn nhân giữa bà P với ông H được xem là hôn nhân thực tế, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo bà P xác định quá trình chung sống do hết duyên nợ nên bà và ông H đã chia tay được 26 năm. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa bà P với ông H đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống, bà P với ông H có 03 người con chung, nhưng đã trưởng thành. Khi ly hôn, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét về các vấn đề khác: Bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết, nhưng ông H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Trường H.

2. Về án phí dân sự: Bà Lê Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000658 ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; bà Lê Kim P đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án. huyện Đầm Dơi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

